

Số: 01/2012/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Tuyên Quang
đến năm 2015, định hướng đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám chữa bệnh;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật xã hội hóa để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến 2010 và tầm nhìn đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 255/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia y tế dự phòng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 100/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 75/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 (có Quy hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XVII, kỳ họp thứ 4 thông qua, ngày 18 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Sáng Vang

QUY HOẠCH
Phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015,
định hướng đến năm 2020

*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐND ngày 18 /7/ 2012
của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4)*

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

- Đầu tư cho sức khỏe để mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe chính là đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh và góp phần quan trọng nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, mỗi gia đình và cả cộng đồng xã hội.

- Quy hoạch phát triển hệ thống y tế phải phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc sức khỏe; trong đó gắn y tế chuyên sâu với y tế cơ sở, dự phòng tích cực và chủ động; kết hợp chặt chẽ giữa phòng bệnh, nâng cao sức khỏe với chữa bệnh, phục hồi chức năng, giữa y học cổ truyền với y học hiện đại.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ y tế, đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động được tiềm năng, nguồn lực của xã hội, nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ y tế.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

Xây dựng, phát triển hệ thống y tế tỉnh Tuyên Quang từng bước hiện đại, đồng bộ, hoàn chỉnh theo hướng công bằng, hiệu quả, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân trong công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong; cải thiện chất lượng cuộc sống, đạt và vượt các chỉ tiêu sức khỏe trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn từ nay đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về chuyên môn

a) Mục tiêu đến năm 2015

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng theo cân nặng trẻ em dưới 5 tuổi: dưới 16%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi tiêm chủng đầy đủ vắc xin phòng bệnh: trên 98%.
- Giảm tỷ lệ sinh trung bình hàng năm: 0,3%/năm.
- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên: 1,2%.
- Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân: 22 giường bệnh.
- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi: dưới 8%.

- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi: dưới 11%.
- Số lượt khám bệnh trung bình: 2,3 lượt người/năm.
- Giám sát, phòng chống dịch chủ động, không để dịch lớn, nguy hiểm xảy ra.
- Phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, tai nạn gây thương tích.
- Khống chế số người nhiễm HIV/AIDS ở mức dưới 0,3% dân số vào năm 2015 và không tăng hơn trong các năm sau.

b) Mục tiêu đến năm 2020

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng theo cân nặng trẻ em dưới 5 tuổi: dưới 13%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi tiêm chủng đầy đủ vắc xin phòng bệnh: trên 98%.
- Giảm tỷ lệ sinh hàng năm: 0,2%/năm.
- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên: 1,1%.
- Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân: 25 giường bệnh.
- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi: dưới 8%.
- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi: dưới 11%.
- Số lượt khám bệnh trung bình: 2,5 lượt người/năm.
- Phấn đấu 100% người dân được tham gia bảo hiểm y tế.

2.2.2. Về nhân lực:

a) Mục tiêu đến năm 2015

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có bác sỹ: trên 80%.
- Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có dược sỹ trung học: 100%.
- Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn, bản: 100%.
- Đạt tỷ lệ 7,5 bác sỹ/10.000 dân.
- Đạt tỷ lệ 0,6 dược sỹ đại học/10.000 dân.

b) Mục tiêu đến năm 2020

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có bác sỹ: 100%.
- Đạt tỷ lệ 8,5 bác sỹ/10.000 dân.
- Đạt tỷ lệ 01 dược sỹ đại học/10.000 dân.

2.2.3. Về phát triển kỹ thuật:

a) Mục tiêu đến năm 2015:

** Tuyển tỉnh:*

- Mở rộng, đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt Bệnh viện hạng I và Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II.
- Hoàn thành một số hạng mục cơ bản của Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tại địa điểm mới và đưa vào sử dụng.

- Thành lập Bệnh viện Phụ sản Tuyên Quang với quy mô 100 giường bệnh.
- Hoàn thành quy hoạch, giải phóng mặt bằng xây dựng Trung tâm điều dưỡng Suối khoáng Mỹ Lâm tại địa điểm mới.
- Hoàn thành xây dựng một số đơn vị thuộc Đề án Cụm các Trung tâm Y tế dự phòng tuyến tỉnh: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS; Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

** Tuyến huyện:*

- Hoàn thành xây dựng nâng cấp một số bệnh viện đa khoa tuyến huyện bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn hợp pháp khác gồm: Bệnh viện Đa khoa huyện Sơn Dương; Bệnh viện Đa khoa huyện Na Hang; Bệnh viện Đa khoa huyện Chiêm Hóa; Bệnh viện Đa khoa khu vực ATK (huyện Yên Sơn); Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện Lâm Bình và Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Sơn.
- Hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương.

** Tuyến xã:*

- 50% số Trạm Y tế xã, phường được đầu tư xây dựng nâng cấp đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.

- Trên 50% số xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã.

b) Giai đoạn đến năm 2020:

** Tuyến tỉnh:*

- Tiếp tục đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt quy mô 600 giường bệnh.
- Tiếp tục đầu tư phát triển Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh đạt quy mô 150 giường bệnh.
- Tiếp tục hoàn thành các hạng mục còn lại của Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi đạt quy mô 120 giường bệnh.
- Đầu tư phát triển Bệnh viện Phụ sản Tuyên Quang đạt quy mô 120 giường bệnh.
- Hoàn thành xây dựng Trung tâm điều dưỡng Suối khoáng Mỹ Lâm tại địa điểm mới quy mô 150 giường.
- Quy hoạch, xây dựng Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen tại địa điểm mới với quy mô 50 giường bệnh.

- Hoàn thành nâng cấp Trường Trung cấp Y tế lên thành Trường Cao đẳng Y tế Tuyên Quang.

- Tiếp tục hoàn thành đầu tư xây dựng các đơn vị thuộc Đề án Cụm các Trung tâm Y tế dự phòng tuyến tỉnh.

** Tuyến huyện:*

- Thành lập Bệnh viện Đa khoa thành phố Tuyên Quang quy mô 80 giường bệnh.

- Nâng cấp các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện: Bệnh viện Đa khoa huyện Hàm Yên; Bệnh viện Đa khoa khu vực Kim Xuyên.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện các phòng khám đa khoa khu vực huyện.

- Tiếp tục hoàn thành xây dựng các Trung tâm Y tế tuyến huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn.

* Tuyến xã:

- 100% số Trạm Y tế xã, phường được đầu tư xây dựng nâng cấp đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.

- Trên 80% số xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã.

(Chi tiết có phụ lục 01 đính kèm)

II. Nội dung phát triển hệ thống y tế

1. Phát triển hệ thống y tế dự phòng

a) Các đơn vị y tế dự phòng và đơn vị sự nghiệp tuyến tỉnh:

Hỗ trợ phát triển hệ thống Y tế dự phòng nhằm tăng cường năng lực phát hiện sớm, không chế kịp thời dịch bệnh ở người, không để dịch lớn xảy ra, giảm tỷ lệ người mắc và chết do bệnh dịch. Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế dự phòng tại Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đảm bảo đủ năng lực phát hiện, xác định nguyên nhân dịch bệnh tại cộng đồng.

Xây dựng và hoàn thiện các trung tâm: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khoẻ, Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS.

Xây dựng phòng xét nghiệm của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 2, đủ khả năng giám sát, phát hiện dịch và thực hiện toàn bộ các xét nghiệm phục vụ hoạt động chuyên môn. Phân đầu đến năm 2015, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đạt chuẩn quốc gia về một số lĩnh vực; đến năm 2020 đạt chuẩn quốc gia về các labo xét nghiệm chuyên ngành.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và nâng cao năng lực của Trung tâm Kiểm nghiệm, phân đầu đạt 02 tiêu chuẩn quốc tế về phòng thử nghiệm thuốc và mỹ phẩm: Tiêu chuẩn “Hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm - ISO IEC 17025-2005”; Tiêu chuẩn “Thực hành tốt Phòng kiểm nghiệm thuốc - GLP” theo Quyết định số 1570/2000/QĐ-BYT ngày 22/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống mạng lưới các đơn vị y tế dự phòng và các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh theo quy hoạch ngành, gồm các đơn vị sau:

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh.

- Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội: Sau năm 2015, sáp nhập vào Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh.

- Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS.
- Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe.
- Trung tâm Kiểm nghiệm.
- Trung tâm Giám định y khoa.
- Trung tâm Giám định pháp y: Xem xét thành lập sau năm 2015, trên cơ sở Phòng Giám định pháp y thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- Trung tâm cấp cứu 115: Xem xét thành lập sau năm 2015.

b) Các đơn vị y tế dự phòng tuyến huyện:

Kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phát triển mạng lưới Trung tâm Y tế các huyện và thành phố theo Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT, ngày 09/9/2005 của Bộ Y tế về việc ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cao năng lực hoạt động của 07 Trung tâm Y tế tại các huyện, thành phố đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ: giám sát dịch tễ, vệ sinh phòng, chống dịch, kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS, quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông, giáo dục sức khỏe, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và xây dựng làng văn hoá sức khỏe.

Trung tâm Y tế huyện, thành phố thực hiện quản lý trực tiếp y tế xã và y tế thôn, bản. Phát triển nguồn nhân lực y tế dự phòng tuyến huyện để đáp ứng nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh chủ động, tích cực tại địa phương.

Hoàn thành xây dựng Trung tâm y tế huyện Sơn Dương trước năm 2015.

2. Phát triển hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng:

Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh đảm bảo tính hệ thống theo các tuyến kỹ thuật từ thấp đến cao, bảo đảm tính liên tục về cấp độ chuyên môn, bảo đảm đạt tiêu chuẩn xếp hạng bệnh viện theo quy định của Bộ Y tế cho từng tuyến; Chuẩn hóa các phương tiện kỹ thuật thường quy; sử dụng có hiệu quả các thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị; đẩy mạnh phục hồi chức năng, phòng ngừa các di chứng; ưu tiên đầu tư nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe. Tại tỉnh có 2 tuyến điều trị theo cấp độ từ thấp đến cao, gồm:

a) *Tuyến huyện (Tuyến 1):*

Phấn đấu các bệnh viện tuyến huyện đều đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III; các Phòng khám đa khoa khu vực huyện bảo đảm cung cấp các dịch vụ khám, chữa bệnh cơ bản cho nhân dân, tiếp nhận bệnh nhân từ cộng đồng hay từ các Trạm Y tế cơ sở, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của 06 Bệnh viện Đa khoa huyện.

- Tiếp tục duy trì hoạt động của 03 Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện.
- Phần đầu đến năm 2020: 100% Bệnh viện Đa khoa huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III (hiện tại có 6/9 Bệnh viện tuyến huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III).
- Phòng khám đa khoa khu vực: 13 phòng khám; quy hoạch đến năm 2020: 11 phòng khám, giảm 02 phòng khám do chuyển về chức năng Trạm y tế xã đối với Phòng khám Đa khoa khu vực Đầm Hồng và Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa.
- Xây dựng, hoàn thiện nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện, phòng khám đa khoa khu vực, tăng cường đào tạo và bổ sung nhân lực, thiết bị y tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều trị tuyến 1.

b) Tuyến tỉnh (Tuyến 2):

Các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh được thành lập mới hoặc duy trì và nâng cấp theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II trở lên; cung cấp các dịch vụ khám, chữa bệnh với các kỹ thuật chuyên khoa, chuyên ngành, đáp ứng hầu hết nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn; là cơ sở thực hành cho sinh viên các Trường y - dược trong tỉnh, giữ vai trò chỉ đạo tuyến và đào tạo, đào tạo lại nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế tuyến dưới.

- Phát triển một số bệnh viện chuyên khoa tỉnh: thành lập Bệnh viện Phụ sản Tuyên Quang vào năm 2015, trên cơ sở tiếp nhận và xây mới tại vị trí của Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi hiện nay.

- Phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh: quy hoạch mở rộng diện tích xây dựng tại địa điểm hiện nay, diện tích quy hoạch mới tăng thêm 2 ha (đạt tổng diện tích là 6,5 ha), xây dựng và mở thêm Khoa Truyền nhiễm, Khoa Ung bướu, Khoa Tâm thần,... theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; cải tạo nâng cấp Khoa Nhi; tăng cường thiết bị, kỹ thuật hiện đại có đủ các chuyên khoa phục vụ bệnh nhân, tiếp tục phát triển các kỹ thuật cao như phẫu thuật nội soi, phẫu thuật lồng ngực, tim mạch, phẫu thuật sọ não, chấn thương chỉnh hình; phần đầu đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I với quy mô 600 giường bệnh trước năm 2020.

- Phát triển Bệnh viện Y - Dược cổ truyền: quy hoạch mở rộng diện tích xây dựng tại địa điểm hiện nay, quy hoạch bổ sung thêm 20.000 m² để đạt tổng diện tích 27.000 m² trước năm 2015; xây mới và mở thêm một số khoa, phòng theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế và cải tạo, nâng cấp một số hạng mục khoa điều trị (nhà A1, nhà A2); tăng cường các thiết bị hiện đại, mở rộng ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền nhằm nâng cao hiệu quả trong điều trị y học cổ truyền; phần đầu đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II với quy mô 150 giường bệnh trước năm 2020.

- Trung tâm điều dưỡng Suối khoáng Mỹ Lâm: Quy hoạch xây dựng tại địa điểm mới quy mô 150 giường.

- Bệnh viện Lao và bệnh Phổi: Xây dựng tại địa điểm mới; phấn đấu đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II.

- Đổi tên Trung tâm Phục hồi chức năng Hương Sen thành Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen: Quy hoạch xây dựng tại địa điểm mới (*dự kiến tại vị trí của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh hiện nay*).

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

3. Mạng lưới vận chuyển cấp cứu bệnh nhân

Tăng cường phương tiện vận chuyển cấp cứu bệnh nhân của các bệnh viện; nghiên cứu thành lập Trung tâm vận chuyển cấp cứu ngoài bệnh viện (Trung tâm cấp cứu 115) đảm nhận nhiệm vụ cấp cứu người bệnh tại cộng đồng và vận chuyển người bệnh cấp cứu đến bệnh viện hoặc chuyển tuyến điều trị. Bổ sung các chốt, trạm sơ cấp cứu ở các trục đường giao thông hay xảy ra tai nạn. Hỗ trợ các trạm cấp cứu, phòng khám của Hội Chữ thập đỏ trong công tác sơ cấp cứu.

Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia hành nghề, phát triển dịch vụ vận chuyển cấp cứu bệnh nhân ngoài công lập ở tuyến tỉnh và huyện.

4. Phát triển hệ thống y dược học cổ truyền

- Củng cố và phát triển y dược học cổ truyền trên cơ sở kế thừa và phát triển y dược học cổ truyền, kết hợp với y học hiện đại trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; xây dựng mạng lưới, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của các Hội, Chi hội Y học cổ truyền các cấp.

- Phấn đấu mỗi bệnh viện tuyến huyện có khoa Y Dược cổ truyền tối thiểu 3-5 giường bệnh.

- Phấn đấu mỗi Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có 01 chuyên trách y dược cổ truyền, có vườn thuốc nam mẫu và phòng chẩn trị y dược cổ truyền đạt chuẩn.

5. Cơ sở đào tạo:

Nâng cấp Trường Trung cấp Y tế thành Trường Cao đẳng Y tế, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường theo định hướng của ngành.

6. Phát triển y tế xã, thôn, bản và y tế cơ quan, doanh nghiệp, trường học

a) Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế xã, thôn, bản và thực hiện Tiêu chí Quốc gia về y tế xã:

- Mạng lưới y tế xã được củng cố và hoàn thiện, nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện Tiêu chí Quốc gia y tế xã, đến năm 2015, có trên 50% số xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế, đến năm 2020 đạt trên 80% số xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

b) Củng cố, phát triển y tế cơ quan, trường học:

Thực hiện tổ chức y tế cơ quan theo quy định của Bộ Y tế. Phân đầu từ năm 2015: Các doanh nghiệp có dưới 200 lao động có ít nhất 1 cán bộ y tế có trình độ trung học; các doanh nghiệp có từ 200 đến dưới 500 lao động có từ 1 - 3 cán bộ y tế có trình độ trung học trở lên; các doanh nghiệp có từ 500 người trở lên có trạm y tế và có đội ngũ y bác sỹ phục vụ. Phân đầu mỗi trường phổ thông có 01 cán bộ y tế; các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có phòng y tế trường học và có bác sỹ phục vụ.

7. Phát triển cơ sở y tế ngoài công lập và y tế ngoài ngành

Khuyến khích phát triển các cơ sở Y tế tư nhân gồm: các Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện chuyên khoa, Phòng khám đa khoa, các Trung tâm tư vấn sức khỏe, các cơ sở sản xuất thuốc, kinh doanh thuốc và trang thiết bị y tế,... dưới sự quản lý chuyên môn của Sở Y tế và sự giám sát hoạt động của Phòng Y tế. Trong đó, khuyến khích phát triển các Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện chuyên khoa, Phòng khám Đa khoa tư nhân tại thành phố, thị trấn; phát triển Phòng khám đa khoa tại cụm dân cư và khu vực xa cơ sở y tế công lập. Khuyến khích phát triển các dịch vụ khám chữa bệnh kỹ thuật cao, tư vấn sức khỏe, mô hình “Bác sỹ gia đình”, các cơ sở điều dưỡng tư nhân.

Phân đầu đến năm 2015, tối thiểu có 01 bệnh viện Đa khoa và 03 phòng khám Đa khoa ngoài công lập; đến năm 2020 có tối thiểu 02 bệnh viện và có từ 4-5 phòng khám Đa khoa ngoài công lập; tỷ lệ giường bệnh ngoài công lập đạt 01 giường bệnh/10.000 dân vào năm 2015, đạt 02 giường bệnh/10.000 dân vào năm 2020.

Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ y tế tại khu vực y tế công lập, mở rộng khu vực khám, chữa bệnh tự nguyện, khám, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và một số bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện để phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Phát triển y tế ngoài ngành, y tế các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh, tham gia chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang và nhân dân tại địa phương; phát triển, mở rộng quy mô Bệnh viện Công an tỉnh đạt 100 giường bệnh vào năm 2020.

Từng bước thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng đủ điều kiện chuyên môn.

8. Củng cố và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về dược, phát triển hệ thống sản xuất, lưu thông phân phối và cung ứng thuốc

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh.

- Phân đầu mỗi cơ sở khám chữa bệnh và Trạm Y tế tuyến xã có ít nhất một nhà thuốc hoặc quầy thuốc.

- Tăng cường công tác quản lý và phát triển hệ thống cung ứng, phân phối thuốc, bảo đảm ổn định thị trường thuốc với giá cả hợp lý, bảo đảm chất lượng thuốc đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân.

- Tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích các nguồn đầu tư trong nước và nước ngoài để từng bước phát triển công nghiệp dược, công nghiệp sản xuất trang thiết bị y tế trong tỉnh khi có đủ điều kiện.

III. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về tài chính, đất đai và nhu cầu đầu tư

1.1. Giải pháp về tài chính:

Thực hiện đổi mới cơ chế cung cấp tài chính và định mức đầu tư theo chức năng nhiệm vụ và năng lực thực hiện để khuyến khích sự năng động, sáng tạo, tạo sự chủ động trong hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghiên cứu đề xuất thực hiện quản lý tài chính theo ngành để nâng cao chất lượng hoạt động điều hành và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện. Thực hiện chính sách viện phí theo quy định đảm bảo đáp ứng đủ các chi phí trực tiếp của người bệnh.

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đối với các cơ sở y tế công lập, đi đôi với tăng cường quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đầu tư cho y tế đảm bảo đúng mục đích, đạt hiệu quả cao. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa công tác y tế, vận động sự đóng góp cao hơn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác y tế.

1.2. Nhu cầu đầu tư: Tổng nhu cầu kinh phí để thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống y tế giai đoạn 2012-2020 là **3.459,1 tỷ đồng**, trong đó:

+ Giai đoạn 2012 - 2015 là 1.253,6 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2016 - 2020 là 2.205,5 tỷ đồng.

* **Nguồn vốn:** vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính phủ, vốn viện trợ nước ngoài, vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Chi tiết tại phụ lục 3.1 và Phụ lục 3.2)

1.3. Giải pháp quy hoạch đất xây dựng các công trình y tế:

* **Tuyến tỉnh:** Các đơn vị y tế tuyến tỉnh đảm bảo được cấp đất theo đúng quy hoạch của thành phố Tuyên Quang; thành phố Tuyên Quang phải bảo đảm giành quỹ đất ưu tiên trong quy hoạch để phát triển các Bệnh viện, Phòng khám Đa khoa có giường bệnh ngoài công lập ở các địa điểm cách xa Bệnh viện Đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh.

* **Tuyến huyện:** Mở rộng quỹ đất theo quy hoạch của huyện, đảm bảo cho Bệnh viện huyện có đủ diện tích theo quy định và có thể mở rộng phát triển quy mô bệnh viện; bố trí quỹ đất cho Trung tâm y tế, Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình có đủ diện tích chuẩn, theo hướng xây dựng nhà hợp khối và đủ điều kiện để phát triển dịch vụ xã hội hóa.

* *Đối với y tế cơ sở:* Quy hoạch đất theo chuẩn quốc gia, đảm bảo mỗi Trạm Y tế xã có diện tích đất từ 600 m² (khu vực thành thị) đến tối thiểu 1.500 m² (khu vực nông thôn); Phòng khám Đa khoa khu vực có diện tích đất tối thiểu 2.400 m², được bố trí ở nơi tập trung các công trình phúc lợi, thuận tiện giao thông nằm trong quy hoạch được duyệt và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài.

1.4. Giải pháp về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật:

Đảm bảo cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh theo quy hoạch; xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh 600 giường bệnh đồng bộ, hiện đại; đầu tư phát triển, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền quy mô 150 giường bệnh; đầu tư xây dựng Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Trung tâm điều dưỡng Suối khoáng Mỹ Lâm, Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen.

Các bệnh viện đa khoa huyện, bệnh viện đa khoa khu vực được đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp để đáp ứng quy mô bệnh viện hạng III, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng bệnh viện mới thành lập và chuyển địa điểm mới như: Bệnh viện Đa khoa huyện Lâm Bình, Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Sơn; đảm bảo 100% Phòng khám Đa khoa khu vực được xây dựng kiên cố tại các cụm xã; 100 % các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có cơ sở xây dựng kiên cố.

Tranh thủ các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cho các đơn vị Trung tâm Y tế tuyến huyện.

Thực hiện đầu tư trang thiết bị hiện đại cho bệnh viện tuyến tỉnh và huyện bằng các nguồn viện trợ quốc tế, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác. Hệ thống y tế dự phòng được nâng cấp trang thiết bị, quan tâm có các trang thiết bị xét nghiệm. Xây dựng các dự án cung cấp trang thiết bị cho Phòng khám Đa khoa khu vực và Trạm Y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo có đủ trang thiết bị y tế cơ bản, đồng bộ, phù hợp với cơ sở. Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

2. Giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực y tế

2.1. Tổ chức cán bộ:

Tổ chức rà soát nhân lực trong toàn ngành y tế về số lượng, cơ cấu, trình độ; những bất cập trong bố trí, sử dụng nhân lực của các cơ sở y tế. Thực hiện điều chỉnh đội ngũ cán bộ chuyên môn hợp lý, điều chỉnh giữa nơi thừa và nơi thiếu trong nội bộ ngành. Xác định nhu cầu về nhân lực của từng cơ sở y tế: số lượng, chuyên môn, trình độ.

Tiêu chuẩn hóa cán bộ chuyên môn theo tuyến; tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sử dụng các phương tiện và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại của cán bộ tuyến tỉnh, tuyến huyện để tham gia đào tạo, đào tạo lại và trực tiếp chỉ đạo tuyến dưới.

2.2. Nhu cầu đào tạo:

Chú trọng công tác đào tạo theo mục tiêu của ngành để bảo đảm trong 5 năm tới, hầu hết trưởng phó khoa ở bệnh viện phải có trình độ chuyên khoa I hoặc tương đương trở lên; đồng thời tăng nhanh đội ngũ điều dưỡng viên cao đẳng và đại học; bảo đảm tỷ lệ 3,5 điều dưỡng viên/1 bác sĩ trong các bệnh viện.

Đào tạo sau đại học: Thạc sỹ y khoa: 3-5 cán bộ/năm; Bác sỹ chuyên khoa I: 10-15 cán bộ/năm; Bác sỹ chuyên khoa II: 10-15 cán bộ/năm; Ngoài ra đào tạo chuyên khoa định hướng: 5-10 cán bộ/ năm; tiếp tục thực hiện chuyển giao kỹ thuật của Trung ương tại các bệnh viện tỉnh và huyện. Ưu tiên đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II cho khối điều trị và y tế dự phòng, đào tạo thạc sỹ cho khối quản lý nhà nước.

Đào tạo Đại học y, dược: Đào tạo bác sỹ và dược sỹ đại học hệ tập trung 4 năm và bác sỹ hệ cử tuyển theo địa chỉ 6 năm tại các trường đại học (trung bình 20-25 bác sỹ/năm và 3-4 dược sỹ đại học/năm). Đào tạo cử nhân y tế công cộng, điều dưỡng và kỹ thuật viên trung bình 20-25 cán bộ /năm.

Đào tạo bổ sung y tế thôn, bản: Dự kiến đào tạo 100 nhân viên y tế thôn, bản/năm. Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ ít nhất 1 lượt/cán bộ/năm.

Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ y dược học cổ truyền bằng nhiều hình thức. Phân đấu đến năm 2015 đáp ứng đủ cán bộ y dược học cổ truyền cho tuyến cơ sở: 100% các Trạm Y tế xã có cán bộ chuyên trách về y dược học cổ truyền và thực hiện khám chữa bệnh bằng y dược học cổ truyền.

Tăng chỉ tiêu tuyển sinh theo chế độ cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ, chú trọng tuyển sinh con em người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng công tác đào tạo, sử dụng các nguồn dự án để hỗ trợ đào tạo chuyên khoa I, thạc sỹ, bác sỹ chuyên tu cho tuyến huyện, tuyến xã. Đối với đào tạo bác sỹ, dược sỹ chính quy, tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn theo chế độ cử tuyển theo Quyết định số 1544/QĐ-TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Khuyến khích và hỗ trợ bác sỹ chuyên tu sau khi tốt nghiệp trở về công tác lâu dài tại xã.

Ưu tiên đào tạo các chuyên khoa cho các bệnh viện các tuyến, tăng cường đào tạo tại chỗ qua chuyển giao kỹ thuật do các giáo sư, chuyên gia của Trung ương hướng dẫn tại tỉnh; đào tạo bổ sung cho y tế cơ sở và hệ thống y tế dự phòng; quan tâm đào tạo nhân lực cho các cơ sở y tế ngoài công lập.

Quy hoạch đào tạo cán bộ chuyên môn kết hợp với chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý. Đào tạo về quản lý cho cán bộ quản lý tại tuyến tỉnh và huyện; ưu tiên đào tạo cao cấp chính trị và quản lý nhà nước cho cán bộ diện quy hoạch tuyến tỉnh và tuyến huyện.

Nâng cấp Trường Trung cấp Y tế lên Trường Cao đẳng Y tế để đáp ứng nhu cầu, mức độ cao hơn về khả năng đào tạo và liên kết đào tạo nguồn nhân lực y tế cho địa phương.

Sau khi hoàn thành Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành Y tế, giai đoạn 2010 - 2015, tiếp tục xây dựng Đề án cho giai đoạn 2016 - 2020, trong đó tập trung thực hiện liên kết với các cơ sở đào tạo có chất lượng để đào tạo nguồn cán bộ có chất lượng và xây dựng các chính sách, chế độ có sức thu hút nhằm phát triển nguồn nhân lực Y, Dược.

3. Giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ

3.1. Công tác y tế dự phòng:

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển y tế dự phòng tuyến tỉnh, tuyến huyện của Bộ Y tế. Phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành của y tế dự phòng các tuyến để đáp ứng nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh chủ động, tích cực. Tăng cường đào tạo chuyên khoa cho cán bộ hệ dự phòng bằng các hoạt động của dự án. Xây dựng kế hoạch nâng cao kỹ thuật chuyên môn cho hệ thống y tế dự phòng về nhân lực và các phương tiện kỹ thuật.

Xây dựng cơ sở hạ tầng, bổ sung thiết bị y tế dự phòng tại Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; xây dựng, phát triển Phòng xét nghiệm của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 2.

Xây dựng cơ sở hạ tầng, bổ sung phương tiện, thiết bị y tế dự phòng tại các Trung tâm y tế huyện, thành phố; kiện toàn, thành lập các Khoa xét nghiệm, kết hợp đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực cho các Phòng xét nghiệm thuộc Trung tâm Y tế huyện, thành phố, đảm bảo đủ năng lực phát hiện, xác định nguyên nhân dịch bệnh tại cộng đồng.

Bổ sung bác sĩ cho các Trung tâm Y tế tuyến huyện đảm bảo cơ cấu để thành lập các khoa, phòng theo quy định; triển khai đào tạo, đào tạo lại cán bộ chuyên ngành y tế dự phòng.

Thực hiện có hiệu quả các Chương trình Mục tiêu Quốc gia, các Chương trình y tế và các dự án, chương trình liên quan để chủ động phòng, chống dịch bệnh, phòng ngừa các bệnh không lây nhiễm.

Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ về y tế dự phòng, khuyến khích thực hiện loại hình khám chữa bệnh theo yêu cầu (khám chữa bệnh tự nguyện) về lĩnh vực y tế dự phòng.

3.2. Công tác điều trị:

Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh theo hướng quy mô, hiện đại, đồng thời đảm bảo tính hệ thống và tính liên tục trong chuyên môn của từng tuyến điều trị và sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và hạn chế tình trạng quá tải tại các bệnh viện; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phát triển các dịch vụ kỹ thuật; củng cố, phát triển hệ thống xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, hồi sức cấp cứu, phòng mổ, đơn nguyên sơ sinh tại các bệnh viện và góc sơ sinh tại y tế cơ sở xã, phường, thị trấn.

Các bệnh viện xây dựng mới phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đảm bảo điều kiện xử lý chất thải y tế và khả năng chống nhiễm khuẩn tại các bệnh viện, không để ảnh hưởng đến người dân và môi trường.

Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh cho người nghèo và khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi. Đồng thời mở rộng thực hiện khám chữa bệnh dịch vụ chất lượng cao, khám chữa bệnh theo yêu cầu tại các bệnh viện công lập và bệnh viện tư nhân, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 1816/QĐ-BYT ngày 26/5/2008 về cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ bệnh viện tuyến dưới; Chỉ thị số 09/2004/CT-BYT ngày 29/11/2004 của Bộ Y tế về tăng cường công tác chỉ đạo tuyến và Chỉ thị số 05/2003/CT-BYT ngày 04/12/2003 của Bộ Y tế về chăm sóc người bệnh toàn diện. Rèn luyện ý thức, tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh; duy trì phong trào thi đua thực hiện “Thầy thuốc như mẹ hiền”; thực hiện khen thưởng kịp thời, đồng thời xử lý nghiêm các vi phạm về tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Trọng dụng tối đa về tài chính, năng lực, nhân lực cán bộ y tế, đặc biệt là đội ngũ bác sỹ chuyên khoa có tay nghề cao tham gia hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Khuyến khích thành lập các Bệnh viện Đa khoa và Phòng khám Đa khoa có giường bệnh điều trị nội trú ngoài công lập để giảm quá tải các Bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, đặc biệt là tại khu vực thành phố Tuyên Quang.

3.3. Phát triển hệ thống y dược học cổ truyền:

Hiện đại hoá công tác bào chế thuốc y dược học cổ truyền tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh; đồng thời củng cố, kiện toàn các khoa, tổ y dược học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hoạt động y dược học cổ truyền tại tuyến xã theo chuẩn quốc gia về y dược học cổ truyền và xây dựng xã tiến tiến về y dược học cổ truyền.

Khuyến khích phát triển cơ sở y dược học cổ truyền ngoài công lập, quy hoạch phát triển các cơ sở nuôi trồng, sản xuất, chế biến dược liệu tại các địa phương khi có điều kiện.

Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức để nâng cao nhận thức về việc khám chữa bệnh bằng y dược học cổ truyền, hướng dẫn hộ gia đình cách trồng, chăm sóc và sử dụng các loại cây thuốc nam chữa bệnh thông thường.

4. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Hiện đại hóa kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán hóa sinh, lý sinh, áp dụng các kỹ thuật công nghệ tiên tiến về tim mạch, can thiệp nội soi, chỉnh hình, vi phẫu trong điều trị; tập trung đầu tư xây dựng phòng xét nghiệm đạt chuẩn của khối y tế dự phòng, nâng cao kỹ thuật các labo chuẩn kiểm nghiệm thuốc, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

Xây dựng đề án phát triển Công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý công tác ngành; phát triển mạng LAN nối kết từ cơ sở đến tỉnh và mạng quốc gia; khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet, trang Website của Bộ Y tế và các ngành khác phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

Xây dựng và ứng dụng các phần mềm để quản lý công tác khám chữa bệnh, y tế dự phòng, quản lý các chương trình y tế, các vấn đề sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng; thực hiện thí điểm theo dõi điều trị bằng hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, tiến tới quản lý sức khỏe người dân bằng thẻ điện tử và ứng dụng trong các hoạt động chuyên môn y dược khác.

Tổ chức đào tạo cho toàn thể cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở về tin học văn phòng và ứng dụng các phần mềm trong công tác chuyên môn; đầu tư cơ sở vật chất và ứng dụng các phần mềm quản lý tổ chức, hành chính, tài chính, vật tư - trang thiết bị, quản lý dữ liệu nghiệp vụ - thống kê.

Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải y tế theo đúng tiêu chuẩn quy định; đồng thời, có biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa sự lây lan các tác nhân gây bệnh ra môi trường xung quanh từ các cơ sở y tế. Đến năm 2015, 100% bệnh viện xây dựng mới đều phải có cơ sở xử lý chất thải đúng qui định, trên 70% các bệnh viện cũ được cải tạo hệ thống xử lý chất thải lỏng, chất thải rắn và phân đấu xử lý tập trung tại một số điểm; 100% các bệnh viện trên địa bàn tỉnh có hệ thống xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn.

5. Giải pháp cung ứng thuốc, vật tư y tế

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường.

Xây dựng mô hình cung cấp thuốc, trang thiết bị y tế phù hợp, có tính cạnh tranh lành mạnh; đảm bảo cung ứng thuốc thường xuyên, đầy đủ với chất lượng và giá cả hợp lý cho nhu cầu phòng bệnh và chữa bệnh. Nâng cao năng lực hệ thống cung ứng thuốc, các cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc; các kho bảo quản thuốc của các cơ sở kinh doanh và cơ sở khám chữa bệnh đạt tiêu chuẩn thực hành tốt (GPS) theo lộ trình của Bộ Y tế.

Mở rộng nuôi trồng, khai thác và phát triển nguồn dược liệu đảm bảo cung cấp dược liệu cho khám chữa bệnh và kinh doanh. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp sản xuất thuốc, đặc biệt đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể nuôi trồng, sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu. Có cơ chế thu hút, hỗ trợ các nhà đầu tư có nhu cầu phát triển nuôi trồng, chế biến dược liệu, thuốc chữa bệnh tại địa phương.

6. Giải pháp xã hội hóa

Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ cho chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện công lập.

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh.

Đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe (nhà nước, tập thể, dân lập, tư nhân), trong đó y tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Cho phép nhiều lực lượng có hiểu biết và kinh nghiệm nghề nghiệp tham gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe dưới sự quản lý của nhà nước nhằm cung ứng dịch vụ ngày càng thuận tiện cho người dân và giảm bớt sức ép cho ngân sách nhà nước. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập phòng khám, chữa bệnh nhân đạo. Mở rộng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà, các nhà thuốc tư nhân, các tủ thuốc tại trạm y tế xã phục vụ sức khỏe cộng đồng.

Vận động nhân dân tự giác tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe; các phong trào vệ sinh, rèn luyện thân thể, phòng bệnh, phòng dịch, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh; tăng cường sử dụng y học cổ truyền dân tộc, nuôi, trồng các loại cây, con làm thuốc. Nhân dân tham gia đóng góp và chi trả cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông qua chế độ viện phí, tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện.

Thực hiện Luật Bảo hiểm y tế, tổ chức tốt việc khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi.

7. Tăng cường hợp tác Quốc tế

Xây dựng các đề án, dự án trọng điểm để kêu gọi đầu tư phát triển của nước ngoài. Trong đó khuyến khích các tổ chức viện trợ không hoàn lại cho việc khám chữa bệnh người nghèo, trẻ em, người tàn tật và phòng chống dịch bệnh.

Tăng cường hợp tác đào tạo cán bộ tại các nước phát triển nhằm tiếp thu các thành quả, tiến bộ khoa học trên thế giới và khu vực. Mở rộng liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư phát triển các lĩnh vực trong ngành, ưu tiên lĩnh vực phòng bệnh.

8. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý y tế

Kiên toàn và nâng cao năng lực tổ chức bộ máy của Sở Y tế: Các phòng chức năng của Sở Y tế gồm: Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Văn phòng, Thanh tra y tế; thành lập Phòng Quản lý Y Dược tư nhân và Phòng quản lý khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế khi cần thiết.

Phân cấp quản lý rõ cho các tuyến y tế, các địa phương, triển khai mạnh hơn việc thực hiện tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, sử dụng cán bộ và tài chính theo các quy định hiện hành. Nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch (dài hạn, ngắn hạn) trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế. Thường xuyên theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động và thực hiện kế hoạch.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác thông tin y tế, ứng dụng các phần mềm tin học, củng cố hệ thống báo cáo thống kê, cung cấp thông tin kịp thời với độ tin cậy cao cho công tác quản lý ở các cấp.

Kiên toàn hệ thống thanh tra y tế, nâng cao hiệu lực hoạt động thanh tra để thực hiện tốt quản lý nhà nước bằng pháp luật. Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước và pháp luật cho cán bộ trong ngành.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ; đẩy mạnh phong trào thi đua đặc biệt là xây dựng các cá nhân, đơn vị điển hình tiên tiến để nhân rộng trong ngành.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giai đoạn đến năm 2015

Tiếp tục đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I.

Quy hoạch xây dựng bệnh viện Phụ sản Tuyên Quang quy mô 100 giường bệnh tại địa điểm Bệnh viện Lao và Bệnh phổi hiện nay.

Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế một số bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, các Phòng khám Đa khoa khu vực bằng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2011 - 2015;

Tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành Y tế, giai đoạn 2010 - 2015.

Xây dựng và đưa vào hoạt động một số đơn vị trong Cụm các Trung tâm Y tế tuyến tỉnh; đầu tư labo xét nghiệm của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 2; xây dựng một số Trung tâm Y tế huyện; tranh thủ các nguồn lực thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực hoạt động Trạm Y tế xã, phường, thị trấn”.

Lập Đề án nâng cấp Trường Trung cấp Y tế lên thành Trường Cao đẳng Y tế Tuyên Quang.

2. Giai đoạn 2016 - 2020

Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa tuyến huyện; tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện các đơn vị thuộc Cụm các Trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh và các Trung tâm Y tế tuyến huyện.

Tiếp tục kêu gọi các các nguồn vốn hợp pháp trong nước, hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam để hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở, vật chất cho Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

- Sáp nhập Trung tâm Phòng chống Bệnh xã hội và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và lấy tên Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang.

- Xây dựng Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế giai đoạn 2016-2020.

- Từng bước sắp xếp, quy hoạch lại hệ thống Phòng khám đa khoa khu vực huyện bảo đảm phù hợp yêu cầu chức năng, nhiệm vụ, điều kiện nhân lực và các khả năng đáp ứng các yêu cầu chuyên môn y tế.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 4**

Phụ lục 01

**MỘT SỐ MỤC TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ
TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG 2020**

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2011		Đến năm 2015		Đến năm 2020	
			Tuyên Quang	Quốc gia	Tuyên Quang	Quốc gia	Tuyên Quang	Quốc gia
1	Tỷ lệ suy dinh dưỡng theo cân nặng trẻ em dưới 5 tuổi	%	20,4	18	<16	15	<13	12
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh	%	97,8	>90	>98	>90	>98	>90
3	Giảm tỷ lệ sinh trung bình/năm	‰	0,6	0,2	0,3	0,2	0,2	0,2
4	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên	%	1,25	1,04	1,2	1	1,1	1
5	Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân	GB	19,5	21	22	23	25	25
6	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	8,1	15	< 8	14	<8	11
7	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	10,6	24	< 11	19,3	<10	16
8	Số lượt người khám bệnh trung bình/năm	Lượt người / năm	2,25		2,3		2,5	
9	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có bác sỹ	%	63,1	72	80	80	100	90
10	Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có Dược sỹ Trung học	%	0		100		100	100
11	Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế thôn bản	%	98	90	100	90	100	>90
12	Tỷ lệ bác sỹ/10.000 dân		6,8	7,2	7,5	8	8,5	9
13	Tỷ lệ dược sỹ đại học/10.000 dân		0,53	1,3	0,6	1,8	1	2,2
14	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã	%	11,3		50	60	80	80
15	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	84	60	90	70	>90	>80

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIƯỜNG BỆNH
TỈNH TUYỀN QUANG ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG 2020**

Số TT	Tên bệnh viện	ĐV tỉnh	Năm 2011	Năm 2015	Năm 2020
I	Tuyến 1: Tuyến huyện	Giường bệnh	600	730	950
1	Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Dương	“	90	110	120
2	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Sơn	“	110	110	110
3	Bệnh viện đa khoa huyện Hàm Yên	“	100	110	110
4	Bệnh viện đa khoa huyện Chiêm Hóa	“	120	120	130
5	Bệnh viện đa khoa huyện Na Hang	“	70	70	60
6	Bệnh viện đa khoa huyện Lâm Bình	“	0	50	50
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên	“	50	50	60
8	Bệnh viện đa khoa khu vực ATK	“	30	70	70
9	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Hoa	“	30	30	50
10	Bệnh viện Đa khoa thành phố Tuyên Quang				80
II	Tuyến 2: Tuyến tỉnh	“	835	970	1.230
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	“	500	500	600
2	Bệnh viện Y Dược cổ truyền	“	115	130	150
3	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi	“	70	90	120
4	Trung tâm điều dưỡng Suối khoáng Mỹ Lâm	“	100	100	150
5	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen	“	50	50	50
6	Bệnh viện Phụ sản	“	0	100	120
III	Tổng số giường bệnh toàn tỉnh	GB	1.435	1.690	2.030
IV	Dân số trung bình	Vạn người	73,7	77,0	80,0
V	Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân		19,5	22,0	25,0

Phụ lục 3.1

**PHÂN KỲ ĐẦU TƯ THEO GIAI ĐOẠN SỰ NGHIỆP Y TẾ
TỈNH TUYỀN QUANG**

ĐVT: Tỷ đồng

Số TT	Nhu cầu đầu tư	Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn		
		Tổng cộng	2012-2015	2016-2020
	Tổng vốn đầu tư	3.459,1	1.253,6	2.205,5
I	Bệnh viện ĐK tuyến huyện	860,2	572,5	287,7
1	<i>Vốn Trái phiếu chính phủ</i>	432,5	362,5	70
2	<i>Vốn viện trợ nước ngoài xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực ATK</i>	210	210	
II	Bệnh viện tuyến tỉnh	1.666,6	27,4	1.439,2
III	Các trung tâm y tế tuyến tỉnh (QĐ số 102/QĐ-TTg ngày 18/01/2012)	149,1	149,1	
IV	Xây dựng, nâng cấp Trường Trung cấp y tế (QĐ số 353/QĐ-CT ngày 09/4/2011 của UBND tỉnh)	108,1		108,1
V	Xây dựng Trung tâm Y tế huyện (Đề án)	83	11	72
VI	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (Đề án)	547	273,5	273,5
VII	Kinh phí cho công tác đào tạo cán bộ (Đề án)	45,1	20,1	25

Nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2012-2015:

1. Vốn trái phiếu chính phủ: **589,9** tỷ đồng; trong đó:

Tuyến huyện: **362,5** tỷ đồng (đã có thông báo ngân sách giai đoạn 2012-2015: 74,8 tỷ đồng; đề nghị bổ sung vốn xây dựng BVĐK Lâm Bình và BVĐK Yên Sơn: 287,7 tỷ đồng).

Tuyến tỉnh: **227,4** tỷ đồng.

2. Vốn viện trợ nước ngoài xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực ATK đến năm 2015: **210** tỷ đồng (xây dựng bệnh viện ATK);

3. Ngân sách địa phương: **31,1** tỷ đồng (xây dựng TTYT huyện Sơn Dương và ngân sách đào tạo cán bộ y tế theo đề án);

4. Vốn đầu tư có mục tiêu của Trung ương: **149,1** tỷ (xây dựng Cụm các TTYTDP tuyến tỉnh).

5. Vốn đề nghị Trung ương hỗ trợ, viện trợ nước ngoài,... đầu tư Trạm Y tế tuyến xã: **273,5** tỷ đồng.

Phụ lục 3.2

**NHU CẦU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO SỰ NGHIỆP Y TẾ
TỈNH TUYỀN QUANG GIAI ĐOẠN 2012-2020**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Số TT	Nhu cầu đầu tư	Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn				
		Tổng mức ĐT	2008-2011	Giai đoạn 2012-2020		
				Tổng cộng	2012-2015	2016-2020
	Tổng vốn đầu tư	3.735,3	276,2	3.459,1	1.253,6	2.205,5
I	Bệnh viện ĐK tuyến huyện	1.008,5	148,3	860,2	572,5	287,7
1	BVĐKKV Yên Hoa, huyện Na Hang	30,7	24,2	6,5	6,5	
2	PKĐKKV Minh Đức, huyện Chiêm Hóa	16,2	14,2	2	2	
3	PKĐKKV Trung Môn, huyện Yên Sơn	13,1	9,5	3,6	3,6	
4	PKĐKKV Sơn Nam, huyện Sơn Dương	8,6	7,3	1,3	1,3	
5	PKĐKKV Tháng 10, huyện Yên Sơn	13,4	10,4	3	3	
6	PKĐKKV Đông Thọ, huyện Sơn Dương	13,3	10,3	3	3	
7	BVĐK huyện Na Hang	55,6	40,2	15,4	15,4	
8	BVĐK huyện Sơn Dương	35,1	18,1	17	17	
9	BVĐK huyện Chiêm Hóa	60	11,1	48,9	20	28,9
10	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Sơn (tạm tính)	166,4	0,7	165,7	165,7	
11	BVĐK huyện Hàm Yên	43,7	1,5	42,2	0	42,2
12	BVĐKKV Kim Xuyên, huyện Sơn Dương	58,7	0,8	57,9	0	57,9

Số TT	Nhu cầu đầu tư	Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn				
		Tổng mức ĐT	2008-2011	Giai đoạn 2012-2020		
				Tổng cộng	2012-2015	2016-2020
13	BVĐKKV ATK, huyện Yên Sơn	210		210	210	
14	Bệnh đa khoa huyện Lâm Bình (tạm tính)	125		125	125	
15	Bệnh viện Đa khoa thành phố Tuyên Quang, dự kiến tiếp nhận cơ sở vật chất của Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Sơn hiện nay (tạm tính)	70		70		70
16	Trung tâm Y tế huyện Lâm Bình (tạm tính)	7,5		7,5		7,5
17	Trung tâm dân số - KHHGD huyện Lâm Bình	7,5		7,5	0	7,5
18	PKĐKKV Đàm Hồng, huyện Chiêm Hóa	14,8		14,8	0	14,8
19	PKĐKKV Hoà Phú, huyện Chiêm Hóa	14,9		14,9	0	14,9
20	PKĐKKV Thái Hòa, huyện Hàm Yên	14,7		14,7	0	14,7
21	PKĐKKV Phù Lưu, huyện Hàm Yên	14,7		14,7	0	14,7
22	PKĐKKV Xuân Vân, huyện Yên Sơn	14,6		14,6	0	14,6
II	Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh	1.794,5	127,9	1.666,6	227,4	1.439,2
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh:	522,3	57,4	464,9	27,2	437,7
	Giai đoạn đến 2012	84,6	57,4	27,2	27,2	
	Giai đoạn 2013-2020 (tạm tính)	437,7		437,7	0	437,7
2	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi	268,9	12,6	256,3	173	83,3

Số TT	Nhu cầu đầu tư	Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn				
		Tổng mức ĐT	2008-2011	Giai đoạn 2012-2020		
				Tổng cộng	2012-2015	2016-2020
3	Bệnh viện Phụ sản (tạm tính)	165		165	0	165
4	Bệnh viện Y, Dược cổ truyền (tạm tính)	76		76	0	76
5	Trung tâm điều dưỡng Suối khoáng Mỹ Lâm (tạm tính)	190	0,5	189,5		189,5
6	Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen (tạm tính)	50		50	0	50
III	Các trung tâm y tế tuyến tỉnh	149,1		149,1	149,1	
1	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh					
2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình					
3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm					
4	Trung tâm Kiểm nghiệm					
5	Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe					
6	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS					
7	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản					
8	Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội					
IV	Các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh khác					
1	Trung tâm Giám định Y khoa					
2	Trung tâm Giám định pháp y					

Số TT	Nhu cầu đầu tư	Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn				
		Tổng mức ĐT	2008-2011	Giai đoạn 2012-2020		
				Tổng cộng	2012-2015	2016-2020
3	Trung tâm cấp cứu 115					
V	Quy hoạch nâng cấp Trường Trung cấp y tế	108,1		108,1	0	108,1
VI	Đề án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện (tạm tính)	83		83	11	72
VII	Đề án đầu tư xây dựng, nâng cấp Trạm Y tế xã/phường (tạm tính)	547		547	273,5	273,5
VIII	Đào tạo cán bộ	45,1		45,1	20,1	25
1	Đề án đào tạo cán bộ y tế giai đoạn 2010-2015	20,1		20,1	20,1	
2	Đề án đào tạo cán bộ y tế giai đoạn 2016-2020 (tạm tính)	25		25		25